

Phẩm 24: THẬP NHÃN

Bốn môn giống như trước.

Thập là số đếm, Nhãn là cảnh và thần tụ hội, tình thức tướng tận thích hợp. Hai ý còn lại đã phân rõ trước đây.

Giải thích văn. Văn này có ba: Một là tổng quát nêu ra tên gọi, hai là giải thích, ba là kệ trùng tụng.

- Văn phần một có sáu:

1) Tổng quát nói cho biết.
2) Ca ngợi thành tựu tướng thù thắng về nhân quả của Nhãn, nhân quả tức là hai.

3) Hỏi.

4) Nêu ra tên gọi.

5) Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận.

6) Dẫn chứng chư Phật cùng nói để chứng minh thành tựu.

Văn phần hai là giải thích có hai: 1) Phân rõ; 2) Kết luận. Mười Nhãn này do hai gia hạnh trước đây thâm nhiếp, tiếp là Vô sinh Nhãn do Chánh Thể thâm nhiếp, bảy Nhãn sau do nhận biết về sau thâm nhiếp. Dựa theo phần vị thì thuận âm thanh là Địa thứ ba trở về sau, thuận Nhãn tức là Địa thứ tư-năm-sáu, Vô sinh Nhãn tức là Địa thứ bảy trở lên, bảy Nhãn sau từ Địa thứ chín trở lên. Nếu nối thông với thời gian thì như nhau. Nhãn này đối với cảnh của ba tâm mà được tên gọi, bảy Nhãn sau từ ví dụ mà được tên gọi.

- **Giải thích riêng biệt:**

1) Nhãn có ba, một là nêu ra, hai là giải thích, ba là kết luận.

2) Thuận Nhãn có ba phần giống như trước.

3) Vô sinh Nhãn có ba phần cũng giống như trước.

Ngay trong phần hai là giải thích có ba: Một là thiết lập, hai là hỏi, ba là đáp.

Bảy Nhãn sau theo thứ tự phát sinh lẫn nhau như Luận. Nghĩa này thế nào?

Nghi ngờ rằng: Nếu như pháp không có thì tại sao hiện có kinh?

Đáp: Như huyễn.

Nghi ngờ rằng: Pháp huyễn không sinh chọn lấy Thức, pháp thế gian thì không như vậy, tại sao giống nhau? Đáp: Bởi vì kinh như ngọn lửa cũng sinh tâm khao khát.

Nghi ngờ rằng: Ngọn lửa ấy không thọ dụng được, pháp thế gian thì không như vậy, tại sao giống nhau? Đáp: Như mộng.

Nghi ngờ rằng: Mộng thì người tỉnh không nghe âm thanh ấy, pháp thế gian thì phàm Thánh cùng đạt được, điều này tại sao giống nhau?

Đáp: Như tiếng vang tuy cùng nhau mà không phải là thật.

Nghi ngờ rằng: Tiếng vang thì trước đây đạt được là vô ích, pháp thế gian thì không như vậy, điều này thế nào?

Đáp: Như ánh sáng chớp điện không có gì tạo tác mà có tác dụng tiếp xúc soi sáng.

Nghi ngờ rằng: Chớp điện nếu có tác dụng thì chính là pháp thật?

Đáp: Như hóa hiện làm lợi ích chúng sinh lẽ nào là thật hay sao?

Nghi ngờ rằng: Nếu tất cả là không có thì ai chủ động dấy lên hóa hiện?

Đáp: Như bầu trời trở thành các sắc, lẽ nào là có hay sao?

Bốn là Huyền, văn có ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận. Văn đáp có hai:

1) Phân rõ về pháp đã quán, văn này có ba: Một là tổng quát nêu ra; hai từ “Bồ-tát đẳng...” trở xuống là phân rõ về tướng của quán; ba từ “Thí như huyền hóa...” trở xuống là mở rộng phân rõ về tướng của huyền, phần này có hai văn về dụ-hợp.

2) Từ “Bồ-tát quán sát...” trở xuống là phân rõ về hành Nhẫn, văn này có hai: Một là gia hạnh Nhẫn, hai từ “Xuất sinh...” trở xuống là hậu đắc Nhẫn.

Năm là Như diệm Nhẫn, có ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận. Văn đáp có pháp-dụ-hợp và phân rõ về tướng của quán, bốn văn có thể biết.

Sáu là Mộng Nhẫn, văn giống như Diệm Nhẫn có thể biết.

Bảy là Hưởng Nhẫn, có ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận. Văn đáp có hai dụ, đều có ba văn pháp-dụ-hợp, dụ trước là Tự lợi, dụ sau là Lợi tha.

Tám là Điện Nhẫn, có ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận. Văn đáp có bốn: 1) Pháp; 2) Từ “Bất hành Bồ-tát...” trở xuống là dụ; 3) Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận; 4) Từ “Nhược Bồ-tát...” trở xuống là phân rõ về lợi ích của Dụng thù thắng. Phần hai là dụ có hai dụ: Một là hưởng về Thể của lý, hai là hưởng về Dụng của sự. Đều có ba văn pháp-dụ-hợp có thể biết.

Chín là Hóa Nhẫn, có hai: Một là hỏi, hai là đáp. Văn đáp có năm: 1) Nói về một pháp; 2) Dụ; 3) Từ “Như thị Bồ-tát xử ư...” trở xuống là

hợp; 4) Từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận; 5) Từ “Phật tử Bồ-tát thành tựu thử Nhãn...” trở xuống là trình bày về lợi ích của Dụng. Văn phần một là pháp có hai: Một là trình bày nhận biết về Thể của hành, hai từ “Phật tử thị vi...” trở xuống là kết luận về nhận biết khởi dụng tự tại. Trong phần ba là hợp có ba: Một là tổng quát hợp lại; hai từ “Bất trước thế gian...” trở xuống là phân rõ về tướng, cũng có thể dựa theo pháp thí dụ để hiển bày về hành nghi mà thôi; ba từ “Thí như hóa...” trở xuống là Pháp-dụ cùng kết luận về lợi ích của dụng thù thắng.

Mười là Hư không Nhãn, có hai: Một là hỏi, hai là đáp. Văn đáp có năm: 1) Mười câu trình bày về Thể của Nhãn, mỗi một câu đều có pháp-dụ; 2) Từ “Phật tử như thị Bồ-tát...” trở xuống là bảy câu kết luận thành tựu hành của Nhãn; 3) Từ “Thí như hư không...” trở xuống lại dùng ví dụ để so sánh về Thể của hành, dùng hợp-dụ để thành tựu đức của Nhãn trước đây; 4) Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận; 5) Từ “Nhược Bồ-tát thành tựu vô lai thân...” trở xuống là phân rõ lợi ích về dụng thuộc hành của Nhãn.

Trong mười câu phân một: Một câu là tổng quát, chín câu là riêng biệt có thể biết. Trong phần ba là mở rộng ví dụ để so sánh về hành của Nhãn, văn có hai: Một, mười một câu đầu là trình bày về hành thành tựu; hai, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu hành của Nhãn. Văn đáp này có hai, ý này khó hiểu nên suy nghĩ. Tại sao nghi ngờ rằng: Nếu pháp như hư không? Ở đây có hai nghi ngờ: 1) Thể của Không là không có, chúng sinh và pháp cũng có thể như vậy? 2) Như sự việc thế gian phân tích thành Không, chúng sinh dựa vào pháp hiện có cũng như vậy, phân tích có thuộc Không khác? Tướng đáp có thể biết.

Trong phần thứ ba là trùng tụng, văn có một trăm hai mươi chín kệ: Đầu là mười kệ tụng về Âm thanh Nhãn, tiếp theo mười kệ tụng về Thuận Nhãn, tiếp theo mười kệ tụng về Vô sinh Nhãn, tiếp theo mười kệ tụng về Huyền Nhãn, tiếp theo mười kệ tụng về Diệm Nhãn, tiếp theo mười lăm kệ tụng về Mộng Nhãn, tiếp theo mười bảy kệ tụng về Hưởng Nhãn, tiếp theo hai mươi kệ bảy chữ tụng về Điện Nhãn, tiếp theo mười kệ tụng về Hóa Nhãn, tiếp theo mười kệ tụng về Hư không Nhãn, tiếp theo bảy kệ tổng quát tụng về văn kết luận ca ngợi, làm sáng tỏ về lợi ích của Nhãn.

Phẩm 25: A TĂNG KỲ

Bốn môn giống như trước.

Tăng-kỳ là tên gọi bắt đầu của mười số. Phẩm này từ ba nghĩa mà được tên gọi. Ý đưa ra và Tông đã phân rõ ở trên.

Giải thích văn. Nguyên cố Tâm Vương hỏi Đức Phật tự nói, là bởi vì bắt đầu dựa vào nhân của Đại quả này, không phải là người trong quả thì không có năng lực phân rõ về phạm vi ấy, cho nên Đức Phật tự nói; pháp dựa vào tâm mà thành, cho nên Tâm Vương dấy lên hỏi. Lại bởi vì nhân quả hiển bày lẫn nhau mà thôi, cũng có thể kể ra pháp là biết sự nối thông với quả, cho nên Đức Phật tự nói mà thôi. Vì vậy văn nói: Như Lai Đẳng Chánh Giác là nghĩa của Phật trí.

Phẩm này có hai: Đầu là hỏi, sau là đáp. Ý hỏi về hành đức của Bồ-tát đến tận cùng số cao nhất, chưa biết pháp của Bồ-tát kể ra thế nào? Cũng có thể rằng cảnh của Thánh đã rộng rãi, Bồ-tát hiểu rõ đến tận cùng, chưa biết dùng pháp nào kể ra được cùng tận phạm vi ấy, để chỉ rõ cho người đời sau? Trong đáp tổng quát nêu ra một trăm hai mươi số để trả lời, số Đại có mười: Một gọi là A-tăng-kỳ; hai ở sau gọi là Vô lượng, ở đây gọi là Bất khả lượng; ba gọi là Vô phần tề; bốn gọi là Vô châu biến; năm ở sau gọi là Vô số, ở đây gọi là Bất khả số; sáu gọi là Bất khả xưng; bảy gọi là Bất khả lượng, ở đây sót chữ Bất Khả; tám gọi là Bất khả tư nghị, như sau thuộc về thứ bảy; chín gọi là Bất khả thuyết; mười gọi là Bất khả thuyết Bất khả thuyết. Câu hỏi này, văn có ba có thể biết.

Ngay trong phần Đức Phật trả lời có bốn: Một là khen ngợi câu hỏi của Tâm Vương, hai là khuyến khích lắng nghe, ba là nghe lời đồng ý, bốn từ “Phật cáo...” trở xuống là chính thức trả lời câu hỏi. Ngay phần này có hai: Đầu là trường hàng, sau là kệ tụng. Trường hàng tức là pháp của số có thể kể ra, kệ tụng tức là số đã kể ra. Đây chính là đan xen hiển bày về đức dụng của nghĩa về số mà thôi.

Trong trường hàng có một trăm hai mươi loại kể ra pháp môn: Một là một trăm làm thành Tăng-kỳ, hai từ “Tăng-kỳ...” trở xuống là theo thứ tự làm thành mười số để trả lời câu hỏi trước. Và lại, phạm vi của một trăm hai mươi số, là từ câu “Câu-lê” thứ nhất làm nhân, tiếp từ “Bất biến” trở về sau có riêng biệt một trăm câu làm số đầy đủ; tiếp theo có hai mươi câu, là từ mười câu như Thọ... làm nhân, từ mười câu như Tăng-kỳ... làm đầy đủ số câu.

Trong kệ tụng, chỉ chọn lấy pháp của số thứ chín ở trên để so sánh

đức hạnh chứ không tụng ở trên văn, trong phần này có hai trăm bốn mươi lăm kệ. Trong này, các kệ tổng quát tăng lên dựa theo có hai loại ý: Một là tổng quát, hai là riêng biệt.

Phần tổng quát thì hoặc là sự-hoặc là lý, hoặc là hành-hoặc là cảnh, hoặc là nhân-hoặc là quả, hoặc là văn-hoặc là nghĩa..., cho đến văn tướng hiển bày-phát khởi-giải thích... tự làm sáng tỏ, điều này có thể suy nghĩ.

Phần riêng biệt có hai:

1) Dựa theo cảnh có ba, một là trí Chánh giác, hai là chúng sinh thế gian, ba là quốc độ thế gian.

2) Dựa theo tâm thì gọi là Chánh và Trợ. Văn này có ba: Một là mười bốn kệ trình bày về số có thể kể ra, trong đó có mười lớp tích lũy về pháp của số, tức là mười văn. Hai là đối với sự phân rõ số đã kể ra, trong phần này có hai, một là dùng pháp của số thứ chín, hai là chọn lấy không thể nào trình bày để chuyển đổi về sau chuyển sang chọn lấy nhân của số thứ mười dùng để lường tính về pháp. Sở dĩ như vậy, là chỉ muốn trình bày về pháp của số tăng lên không phải chỉ có như vậy. Ba là một kệ sau cùng tổng quát về kết luận.

Hỏi: Vì sao không dùng số thứ mười?

Đáp: Bởi vì số thứ mười vốn thuộc về Phật, trong văn tuy trình bày về pháp của quả Phật, nhưng cần phải chọn lấy căn thiện có thể hồi hướng thuộc pháp ở phần vị của nhân. Sở dĩ như vậy, là bởi vì tướng của quả bao gồm nhân hiển bày ở hai nơi, điều này có thể suy nghĩ, đây tức là số đối với vô số mà thôi.
